

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22-10-2018
Về tranh chấp ly hôn.

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Hoàng Văn Đích;

2. Bà: Chu Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xét sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị Thúy P, sinh ngày: 01/9/1992;

Nơi ĐKKHKT: Xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Q, xã T huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh ngày: 15/3/1988;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị P và anh L đều có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

1. Bà Vũ Thị N, sinh năm 1968;

Nơi cư trú: Xóm L, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Ông Phạm Văn G, sinh năm 1957;

Nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(Bà N và ông G đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2018, bản tự khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị Thúy P trình bày:

Chị và anh Phạm Văn L kết hôn ngày 24/02/2011 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới chị về nhà anh L làm dâu, sống chung cùng bố mẹ chồng một thời gian, sau đó được bố mẹ chồng cho ra ăn, ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, nhưng chỉ được một thời gian ngắn vợ chồng chị luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh L nghi ngờ ghen tuông vô cớ, gây sự đánh đập chị, không tôn trọng chị, khiến cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, ngột ngạt. Vợ chồng chị sống ly thân nhau từ tháng 7/2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L để ổn định cuộc sống.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Ngọc H, sinh ngày 13/12/2015. Hiện nay cháu đang ở với anh L và ông bà nội, lúc chị về nhà bố mẹ đẻ chị rất muốn mang con đi theo nhưng anh L và gia đình chồng cản trở, không cho chị mang con theo. Khi ly hôn, chị mong muốn được nuôi con, vì cháu H còn rất nhỏ, lại là con gái rất cần sự chăm sóc của mẹ. Hiện nay, chị đang ở cùng bố mẹ đẻ, có công việc ổn định, thu nhập trung bình từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/ tháng, có chỗ ở ổn định, đảm bảo được tốt cuộc sống của con, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Theo chị P vợ chồng có nhà ở và công trình phụ xây dựng trên đất của bố mẹ chồng và một số vật dụng sinh hoạt trong gia đình, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Việc anh L cho rằng vợ chồng có số tiền mặt 77.000.000 đồng và yêu cầu chị mang số tiền đó về trả nợ là không đúng nên chị không đồng ý.

- *Về nợ chung*: Chị xác nhận hiện nay vợ, chồng chị có nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi của Bà Vũ Thị N số tiền là 33.000.000 đồng và có nợ tiền phường của Ông Phạm Văn G là 23.000.000 đồng. Ngoài ra, vợ chồng chị còn nợ các khoản tiền mua cám của bà Nguyễn Thị H là 11.600.000 đồng và bà Trần Thị L là 6.432.000 đồng. Nay bà N và ông G yêu cầu vợ chồng chị phải có trách nhiệm trả khoản tiền nợ trên, chị nhất trí mỗi vợ chồng phải có trách nhiệm trả một nửa số tiền nợ cho bà N và ông Gốc, đối với các khoản nợ bà H và bà L chị cũng nhất trí trả nợ nếu có yêu cầu.

Tại bản tự khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn Anh Phạm Văn L trình bày như sau: Anh L thừa nhận về thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân. Tuy nhiên, theo anh L nguyên vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để con có bố, có mẹ nên anh không nhất trí ly hôn.

- *Về con chung*: Có 01 con chung là Phạm Ngọc H, sinh ngày 13/12/2015, hiện con đang sống cùng anh và ông bà nội cháu, trường hợp phải ly hôn anh muốn được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Anh L cho rằng vợ, chồng anh có số tiền mặt là 77.000.000 đồng, nguồn gốc số tiền là do vợ chồng lấy phường và do tích lũy mà có được. Số tiền trên hiện chị P đang giữ, ngoài anh và chị P ra không ai biết có khoản tiền đó. Anh chỉ yêu cầu chị P mang số tiền đó về trả nợ chứ anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, do anh không bỏ chị P mà là do tự chị P đề nghị ly hôn.

- *Về nợ chung*: Anh xác nhận ý kiến trình bày trên của chị P là đúng. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh và chị P mỗi người phải có trách nhiệm trả một nửa số tiền nợ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Vũ Thị N trình bày như sau: Vào năm 2015 bà có bán thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng anh Phạm Văn L và chị Dương Thị Thúy P với hình thức trả chậm, khi nào thu hoạch lợn, gà sẽ thanh toán đủ tiền cho bà, đến nay anh L và chị P vẫn còn nợ bà số tiền là: 33.000.000 đồng, bà đã đòi nhiều lần nhưng anh L chị P chưa trả cho bà số tiền nợ trên. Nay anh L, chị P ly hôn bà yêu cầu anh L chị P phải có trách nhiệm trả ngay cho bà toàn bộ số tiền còn nợ trên, bà không yêu cầu trả lãi suất chậm trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Phạm Văn G bày như sau: Vào năm 2016 gia đình ông có tổ chức chơi phường do ông làm trưởng phường, gồm 07 thành viên tham gia, trong đó có vợ chồng anh L. Anh L chị P đã lấy tiền phường, đến nay anh L chị P còn phải nộp 3 suất 6.000.000 đồng và 1 suất 5.000.000 đồng. Tổng cộng anh L chị P còn nợ tiền phường là 23.000.000 đồng. Nay chị P và anh L ly hôn, ông yêu cầu chị P và anh L phải có trách nhiệm thanh toán số tiền phường còn nợ là 23.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để cho các đương sự có thể thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, song các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm về yêu cầu của mình. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như đã nêu trên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu ly hôn, nuôi dưỡng con chung giữa nguyên đơn là chị Dương Thị Thúy P với bị đơn là anh Phạm Văn L cùng nơi cư trú tại xã T, huyện P. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1

Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Thúy P và anh Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Lý do chị P xin ly hôn với anh L là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh L nghi ngờ ghen tuông vô cớ, gây sự đánh đập chị, không tôn trọng chị, khiến cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, ngột ngạt. Vợ chồng chị sống ly thân nhau từ tháng 7/2017 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh L cũng thừa nhận vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay. Anh L xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để con chung có bố, có mẹ. Tuy nhiên, anh L mong muốn vợ chồng đoàn tụ xong anh cũng không có biện pháp khắc phục nào thuyết phục và thay đổi để chị P về đoàn tụ mà vợ chồng hiện tại vẫn đang sống ly thân từ hơn một năm nay. Tại phiên tòa chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, đề nghị giải quyết cho được ly hôn, anh L xác định nếu chị P kiên quyết xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P với anh L đã diễn ra trong một thời gian dài, không hòa hợp hàn gắn được, vợ chồng sống ly thân đã lâu từ nhiều tháng nay, mâu thuẫn vợ chồng đã ở tình trạng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại nên chấp nhận yêu cầu của chị P cho chị P được ly hôn với anh L là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị P và anh L có 01 con chung là cháu Phạm Ngọc H, sinh ngày 13/12/2015. Khi ly hôn cả hai bên đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Tuy nhiên, xét về điều kiện thực tế và nguyện vọng của các bên, Hội đồng xét xử xét thấy cháu H là con gái, lại còn quá nhỏ nên cháu rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ cả về vật chất, tinh thần và sự phát triển về tâm sinh lý sau này của cháu. Bên cạnh đó đến nay cháu H dưới 36 tháng tuổi nên theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình về nguyên tắc được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Do đó, xét yêu cầu được nuôi con chung của chị P phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần giao con chung cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật, không chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của anh Phạm Văn L.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình hòa giải và tại phiên tòa, chị P không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh L cho đến khi chị P có yêu cầu. Anh L được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm.

[2.3] Về tài sản chung: Phía chị P cho rằng vợ chồng chỉ có tài sản chung gồm nhà ở, công trình phụ xây dựng trên đất của bố mẹ chồng và một số vật dụng sinh

hoạt lật vật khác trong gia đình. Nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Phía anh L cho rằng vợ chồng có tài sản chung là khoản tiền mặt 77.000.000 đồng, hiện nay chị P đang quản lý, anh yêu cầu chị P mang số tiền đó về để trả nợ. Tuy nhiên, anh không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu trên của mình là có căn cứ. Tại phiên tòa anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản tiền trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu sau này chị P và anh L có tranh chấp về tài sản chung, thì có quyền khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[2.4] Về nợ chung: Chị P và anh L đều xác nhận đến nay vợ chồng hiện còn nợ tiền mua cám thức ăn chăn nuôi của bà Vũ Thị N; bà Trần Thị L; bà Nguyễn Thị H, bà Tạ Thị T và còn nợ ông Phạm Văn G tiền phường. Trong quá trình giải quyết vụ án bà L, bà H và bà T có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết các khoản nợ nêu trên của bà L, bà H và bà T. Nếu sau này có yêu cầu thì bà L, bà H và bà T thì có quyền khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

- Về khoản nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi của bà N, Hội đồng xét xử nhận thấy về số tiền nợ anh L chị P và bà N đều thống nhất xác nhận đến nay anh L chị P còn nợ bà N số tiền là 33.000.000 đồng, tuy nhiên anh L và chị P không xác định được thời hạn trả nợ cho bà N, phía bà N cho rằng anh L chị P nợ tiền bà đã lâu nay bà yêu cầu anh L chị P phải trả ngay toàn bộ số tiền gốc còn nợ là 33.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi. Xét thấy, yêu cầu của bà N là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 430, 440 BLDS nên cần chấp nhận và buộc anh L chị P phải cho trách nhiệm trả cho bà N số tiền trên, cụ thể mỗi người phải có trách nhiệm trả cho bà N số tiền là 16.500.000 đồng.

- Về khoản tiền nợ tiền phường ông Phạm Văn G (Là bố đẻ anh L), anh L và chị P đều thừa nhận hiện nay còn nợ ông G số tiền phường là 23.000.000 đồng. Nay ông G yêu cầu anh L chị P trả khoản tiền trên anh L chị P nhất trí trả nhưng không xác định được thời hạn trả tiền phường. Phía ông G yêu cầu anh L chị P phải trả ngay toàn bộ số tiền phường còn nợ là 23.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu của ông G là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 471 BLDS cần chấp nhận và buộc anh L chị P mỗi bên phải trả cho ông G số tiền phường còn nợ là 11.500.000 đồng.

[3]Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, ngoài ra chị P, anh L còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung quỹ nhà nước theo quy định pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Các Điều 357, 430, 440, 468 và Điều 471 của BLDS;
- Các Điều 24, 26 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Dương Thị Thúy P, cho chị P được ly hôn anh Phạm Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Dương Thị Thúy P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Ngọc H, sinh ngày 13/12/2015 cho đến khi cháu H trưởng thành (Đủ 18 tuổi tròn) và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Tạm hoãn buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L vì chị P tự nguyện chưa yêu cầu.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Buộc chị Dương Thị Thúy P có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị N số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 16.500.000 đồng (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng), trả ông Phạm Văn G số tiền nợ phường là 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng);

- Buộc anh Phạm Văn L có trách nhiệm trả chị Vũ Thị N số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 16.500.000 đồng (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng), trả ông Phạm Văn G số tiền nợ phường là 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà N, ông G, cho đến khi thi hành án xong, nếu chị P và anh L không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng chị P và anh L còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về án phí: Chị Dương Thị Thúy P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000440 ngày 09/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình. Chị P còn phải nộp tiếp 1.400.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Phạm Văn L phải chịu 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

- Ông Phạm Văn G và bà Vũ Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông G 575.000 đồng (Năm trăm bảy mươi năm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000584 ngày 18/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Hoàn trả lại bà Vũ Thị N 825.000 đồng (Tám trăm hai mươi năm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000538 ngày 22/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bên đương sự báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND, THADS huyện Phú Bình;
- UBND xã T, huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Toàn